

THÔNG TƯ
Quy định nội dung, chương trình đào tạo
thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (sau đây viết tắt là cơ sở đào tạo) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa tại Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

1. Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

b) Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

c) Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ chuyên môn đặc biệt của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

2. Căn cứ vào nội dung, chương trình đào tạo quy định tại Thông tư này, cơ sở đào tạo có trách nhiệm ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu giảng dạy bảo đảm nguyên tắc kế thừa và tích hợp liên thông các nội dung đã được đào tạo.

Điều 4. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

1. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ thủy thủ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ thợ máy quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ lái phương tiện quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

1. Nội dung, chương trình đào tạo GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM máy trưởng hạng ba quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM máy trưởng hạng nhì quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Nội dung, chương trình đào tạo nâng hạng GCNKNCM máy trưởng hạng nhất quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ chuyên môn đặc biệt của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

1. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Nội dung, chương trình đào tạo giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Các lớp đào tạo, bồi dưỡng khai giảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa tổ chức thi, kiểm tra kết thúc khóa học thì được tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 06/2020/TT-

BGTVT ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG, CHỨC NĂNG VÀ TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ THỦY THỦ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ thủy thủ.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.
- Quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.
- Các tuyến đường thủy nội địa ở khu vực; các quy định về bảo quản và xếp dỡ hàng hóa, đưa đón hành khách, bảo đảm an toàn cho hàng hóa và hành khách trong quá trình vận chuyển.
- Nguyên lý điều khiển phương tiện thủy; kiến thức cơ bản về bảo quản, bảo dưỡng các thiết bị trên boong.
- Thực hiện thành thạo các nút dây, các mối dây và thực hiện tốt các thao tác làm dây trên phương tiện.
- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu hỏa, cứu thủng, cứu sinh; các dụng cụ gõ gõ, dụng cụ sơn trên phương tiện.
- Thành thạo đo nước, đệm chống va, cảnh giới; điều khiển được phương tiện ở những đoạn luồng dễ đi dưới sự giám sát của thuyền trưởng, thuyền phó.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07.
- Thời gian của khóa học: 245 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 213 giờ;
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 17 giờ;
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường	50
MH 02	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	30
MH 03	Luồng đường thủy nội địa	15

MĐ 04	Điều động phương tiện	40
MĐ 05	Thủy nghiệp cơ bản	65
MH 06	Vận tải hàng hóa và hành khách	15
MĐ 07	Bảo dưỡng phương tiện	15
Tổng cộng		230

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ thủy thủ, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Thủy nghiệp cơ bản	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **AN TOÀN CƠ BẢN, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MD 01.

b) Thời gian: 50 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các nội dung về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp để nâng cao ý thức và văn hóa giao thông của thuyền viên khi tham gia giao thông đường thủy nội địa;

- Hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện; làm được các công việc về ứng phó ô nhiễm dầu, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng theo các quy định hiện hành đối với chức danh tương ứng trên phương tiện thủy;

- Biết sơ cứu, cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: An toàn lao động	3
2	Bài 2: Đạo đức nghề nghiệp	2
3	Bài 3: Phòng, chống cháy nổ	8
4	Bài 4: An toàn sinh mạng	10
5	Bài 5: Sơ cứu	4
6	Bài 6: Bảo vệ môi trường	2
7	Bài 7: Huấn luyện kỹ thuật bơi, lặn	17
Kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		50

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường và các đầu sách tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, các bể bơi và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành pháp luật, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Những quy định chung	2
2	Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	12
3	Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa	10
4	Chương IV: Trách nhiệm của thủy thủ và thuyền viên tập sự	2

5	Chương V: Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa Việt Nam	3
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa Việt Nam để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

3. Tên môn học: **LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức về đặc điểm, tính chất chung của đường thủy nội địa Việt Nam, các thông tin dữ liệu cần thiết về luồng đường thủy nội địa, tuyển vận tải đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Khái quát chung về sông, kênh ở Việt Nam	2
2	Chương II: Tổng quan về luồng đường thủy nội địa	12
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình luồng đường thủy nội địa, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các phương tiện huấn luyện.

4. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 40 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng điều động phương tiện tự hành; hiểu và sử dụng thành thạo các thiết bị liên quan đến điều động phương tiện; nguyên lý điều khiển phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý cơ bản về điều động phương tiện thủy	8
2	Bài 2: Kiến thức cơ bản về điều động phương tiện thủy	28
Kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		40

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện;
- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

5. Tên mô đun: **THỦY NGHIỆP CƠ BẢN**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 65 giờ.

c) Mục tiêu: trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc làm dây, sử dụng và bảo quản các thiết bị trên boong, biết kiểm tra và bảo dưỡng vỏ phương tiện, biết quy trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ hàng hải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Các loại dây trên phương tiện	25
2	Bài 2: Ròng rọc, palăng và cách sử dụng	3
3	Bài 3: Thiết bị hệ thống lái	12
4	Bài 4: Thiết bị hệ thống neo	10
5	Bài 5: Bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị trên boong	10
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		65

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.

6. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp các kiến thức cơ bản về vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; những quy định về vận tải hàng hóa và hành khách, nhằm bảo đảm vận tải an toàn và hiệu quả.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải thủy nội địa	0,5
2	Chương II: Phân loại hàng hóa	1,5
3	Chương III: Phương pháp bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển một số loại hàng hóa	7
4	Chương IV: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy nội địa	5
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các phương tiện huấn luyện.

7. Tên mô đun: **BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc bảo quản, bảo dưỡng vỏ phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Chế độ bảo dưỡng vỏ phương tiện	4
2	Bài 2: Phương pháp bảo quản vỏ phương tiện	10
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.



PHỤ LỤC II

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ THỢ MÁY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ thợ máy.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.
- Quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa.
- Vận hành thành thạo động cơ tàu thủy, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện; kiểm tra và khắc phục được các hư hỏng thông thường trong quá trình vận hành động cơ.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 05.
- Thời gian của khóa học: 255 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 226 giờ;
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 14 giờ;
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường	50
MH 02	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	15
MĐ 03	Máy tàu thủy	60
MĐ 04	Vận hành, sửa chữa điện tàu	30
MĐ 05	Thực hành vận hành máy tàu	85
Tổng cộng		240

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ thợ máy, gồm nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **AN TOÀN CƠ BẢN, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 50 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp để nâng cao ý thức và văn hóa giao thông của thuyền viên khi tham gia giao thông đường thủy nội địa;

- Hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện; làm được các công việc về ứng phó ô nhiễm dầu, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng theo các quy định hiện hành đối với chức danh tương ứng trên phương tiện thủy;

- Biết sơ, cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: An toàn lao động	3
2	Bài 2: Đạo đức nghề nghiệp	2
3	Bài 3: Phòng, chống cháy nổ	8
4	Bài 4: An toàn sinh mạng	10
5	Bài 5: Sơ cứu	4
6	Bài 6: Bảo vệ môi trường	2
7	Bài 7: Huấn luyện kỹ thuật bơi, lặn	17
Kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		50

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường, các đầu sách tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, các bể bơi và trên các tàu huấn luyện.

2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp những kiến thức cơ bản của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành đúng luật, góp phần đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Những quy định chung	1
2	Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	5
3	Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa	5
4	Chương IV: Trách nhiệm của thợ máy và thuyền viên tập sự	2
5	Chương V: Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa Việt Nam	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

3. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 60 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học có được những khái niệm cơ bản về động cơ đốt trong và động cơ, những kiến thức cần thiết về hệ thống động lực tàu thủy; biết sử dụng và vận hành động cơ tàu thủy.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Khái niệm cơ bản và nguyên lý chung	5
2	Bài 2: Cấu tạo và sửa chữa những chi tiết chính của động cơ	10
3	Bài 3: Hệ thống phân phối khí	5
4	Bài 4: Hệ thống cung cấp nhiên liệu	10
5	Bài 5: Hệ thống làm mát	10
6	Bài 6: Hệ thống bôi trơn	10
7	Bài 7: Vận hành, chăm sóc và bảo quản động cơ	8
Kiểm tra kết thúc mô đun		2
Tổng cộng		60

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu.

4. Tên mô đun: **VẬN HÀNH, SỬA CHỮA ĐIỆN TÀU**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học biết cấu tạo, hoạt động của các thiết bị điện và mạch điện trên tàu thủy;

- Vận hành được các mạch điện trên tàu thủy đúng quy trình kỹ thuật; xác định được nguyên nhân và biết khắc phục một số sự cố nhỏ của mạch điện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hệ thống kiến thức kỹ thuật điện	2
2	Bài 2: Điện tàu thủy	4
3	Bài 3: Ấc quy	5
4	Bài 4: Mạch điện khởi động	6
5	Bài 5: Mạch chiếu sáng	5
6	Bài 6: Mạch nạp ắc quy	6
Kiểm tra kết thúc mô đun		2
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điện tàu thủy, vận hành sửa chữa điện và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại xưởng thực hành điện và các hệ thống điện trên tàu.

5. Tên mô đun: **THỰC HÀNH VẬN HÀNH MÁY TÀU**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 85 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học vận hành thành thạo động cơ diesel tàu thủy, biết kiểm tra khắc phục một số hư hỏng thông thường trong quá trình vận hành động cơ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Quy định chung khi làm việc dưới tàu đối với thuyền viên bộ phận máy	15
2	Bài 2: Trang thiết bị buồng máy	15
3	Bài 3: Quy trình vận hành động cơ	30
4	Bài 4: Các hệ thống phục vụ động cơ	20
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		85

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu.



PHỤ LỤC III

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ LÁI PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ lái phương tiện.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

1. An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.
2. Kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.
3. Nguyên lý điều khiển phương tiện thủy; các tuyến đường thủy nội địa ở các khu vực (Bắc, Trung, Nam).
4. Quy định về vận chuyển, bảo quản và xếp dỡ hàng hóa; quy định về vận chuyển hành khách.
5. Bảo quản, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện.
6. Thực hiện thành thạo các nút dây, các mối dây và thực hiện tốt các thao tác làm dây trên phương tiện.
7. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu hỏa, cứu thủng, cứu sinh; các dụng cụ gõ gõ, dụng cụ sơn trên phương tiện.
8. Thành thạo khi chèo xuồng; đo nước, đơm chông va; điều khiển được phương tiện nhỏ trong mọi trường hợp.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07
2. Thời gian của khóa học: 275 giờ, bao gồm:
 - a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 243 giờ
 - b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 17 giờ
 - c) Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường	50
MĐ 02	Thủy nghiệp cơ bản	45

MH 03	Luồng đường thủy nội địa	15
MH 04	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	40
MĐ 05	Điều động phương tiện	80
MH 06	Vận tải hàng hóa và hành khách	15
MĐ 07	Bảo dưỡng phương tiện	15
Tổng cộng		260

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ lái phương tiện, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Điều động phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: AN TOÀN CƠ BẢN, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

a) Mã số: MD 01.

b) Thời gian: 50 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; bồi dưỡng đạo đức

ngành nghiệp để nâng cao ý thức và văn hóa giao thông của thuyền viên khi tham gia giao thông đường thủy nội địa;

- Hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện; làm được các công việc về ứng phó ô nhiễm dầu, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng theo các quy định hiện hành đối với chức danh tương ứng trên phương tiện thủy;

- Biết sơ cứu, cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: An toàn lao động	3
2	Bài 2: Đạo đức nghề nghiệp	2
3	Bài 3: Phòng, chống cháy nổ	8
4	Bài 4: An toàn sinh mạng	10
5	Bài 5: Sơ cứu	4
6	Bài 6: Bảo vệ môi trường	2
7	Bài 7: Huấn luyện kỹ thuật bơi, lặn	17
Kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		50

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường, các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, các bể bơi và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **THỦY NGHIỆP CƠ BẢN**

a) Mã số: MD 02.

b) Thời gian: 45 giờ.

c) Mục tiêu: trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc làm dây, sử dụng, bảo quản dây và thành thạo chèo xuồng.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Làm dây	20
2	Bài 2: Chèo xuồng	22
Kiểm tra kết thúc mô đun		3
Tổng cộng		45

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.

3. Tên môn học: **LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất chung của đường thủy nội địa Việt Nam, các thông tin, dữ liệu cần thiết về luồng đường thủy nội địa, tuyến vận tải đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Khái quát chung về sông, kênh ở Việt Nam	2
2	Chương II: Tổng quan về luồng đường thủy nội địa	12
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình luồng đường thủy nội địa thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các phương tiện huấn luyện.

4. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 40 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành pháp luật, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Những quy định chung	1
2	Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	18
3	Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa	15

4	Chương IV: Trách nhiệm của người lái phương tiện	2
5	Chương V: Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa Việt Nam	2
Kiểm tra kết thúc môn học		2
Tổng cộng		40

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

5. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MD 05.

b) Thời gian: 80 giờ.

c) Mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng điều động phương tiện tự hành;

- Hiểu và sử dụng thành thạo các thiết bị liên quan đến điều động phương tiện; nguyên lý điều khiển phương tiện; các kỹ năng điều động phương tiện tự hành.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý cơ bản về điều động phương tiện thủy	15
2	Bài 2: Kỹ thuật điều động phương tiện nhỏ	60
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		80

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động phương tiện để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên các phương tiện huấn luyện;

- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

6. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; những quy định về vận tải hàng hóa và hành khách, nhằm bảo đảm vận tải an toàn và hiệu quả.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải thủy nội địa	0,5
2	Chương II: Phân loại hàng hóa	1,5
3	Chương III: Phương pháp bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển một số loại hàng hóa	7
4	Chương IV: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy nội địa	5
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các phương tiện huấn luyện.

7. Tên mô đun: **BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc bảo quản, bảo dưỡng vỏ phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Chế độ bảo dưỡng vỏ phương tiện	4
2	Bài 2: Phương pháp bảo quản vỏ phương tiện	10
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.



PHỤ LỤC IV

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Quy định về công tác an toàn khi làm việc trên phương tiện thủy.
- Quy tắc giao thông, tín hiệu của phương tiện và quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.
- Kỹ thuật về điều động phương tiện và trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó trên phương tiện.
- Các đặc tính cơ bản của hàng hóa trong công tác vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; các quy định về vận tải hàng hóa và hành khách.
- Các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.
- Áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế.
- Áp dụng được những kỹ năng cơ bản về điều động tàu đi trên đường và xử lý một số tình huống có thể xảy ra.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 04
- Thời gian của khóa học: 42 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 33 giờ.
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 04 giờ.
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 05 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	An toàn cơ bản	4
MH 02	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	9

MĐ 03	Điều động phương tiện	15
MH 04	Nghiệp vụ thuyền trưởng	9
Tổng cộng		37

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư, gồm các nội dung sau:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Điều động phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: AN TOÀN CƠ BẢN

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 04 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Một số quy định bảo hộ lao động ở Việt Nam	0,5
2	Bài 2: An toàn làm việc trên tàu	1
3	Bài 3: Phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng	1
4	Bài 4: Thực hành an toàn cơ bản và sơ cứu	0,5
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		4

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và sơ cứu và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, phòng y tế và trên các tàu huấn luyện.

2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 09 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện;

- Thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam;

- Nắm được trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó;

- Biết các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	3
2	Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	3
3	Chương III: Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó	1
4	Chương IV: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		9

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

3. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu được hệ thống lái, bánh lái, chân vịt và ảnh hưởng tới phương tiện thủy nội địa; những kỹ năng về điều động tàu đi trên đường và xử lý tình huống có thể xảy ra.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý điều động phương tiện thủy	2
2	Bài 2: Kỹ thuật cơ bản về điều động phương tiện thủy	12
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện;

- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

4. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 09 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;

- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu	2
2	Chương II: Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu	1
3	Chương III: Quản lý tài sản và sổ sách của tàu	1

4	Chương IV: Phương pháp ghi nhật ký tàu	1
5	Chương V: Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu	2
6	Chương VI: Công tác cảng vụ	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		9

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ thuyền trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các tàu huấn luyện.

PHỤ LỤC V

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.
- Kiến thức cơ bản về kết cấu thân tàu, máy tàu, điện tàu và sửa chữa vỏ tàu, máy tàu, điện tàu thủy.
- Các trang thiết bị trên tàu và công dụng của trang thiết bị đó.
- Đặc điểm các tuyến luồng, bến cảng chính để điều khiển phương tiện thủy an toàn.
- Nguyên lý điều khiển phương tiện thủy và những quy định về vận chuyển hàng hóa, hành khách trong quá trình vận chuyển.
- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị hàng hải.
- Sử dụng được thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống.
- Thành thạo khi làm dây, bảo dưỡng phương tiện.
- Điều động tàu an toàn khi hành trình, ra vào bến.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 09
- Thời gian của khóa học: 275 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 246 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 14 giờ
 - Thời gian ôn tập, thi kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Cấu trúc phương tiện	15
MĐ 02	Máy phương tiện thủy	15

MH 03	Luồng đường thủy nội địa	15
MH 04	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	30
MĐ 05	Điều động phương tiện	110
MH 06	Kinh tế vận tải	15
MĐ 07	Hàng hải và thiết bị hàng hải	30
MĐ 08	Khí tượng, thủy văn	15
MH 09	Nghiệp vụ thuyền trưởng	15
Tổng cộng		260

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, gồm các nội dung sau:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp
3	Điều động phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **CẤU TRÚC PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được nội dung về kích thước cơ bản của phương tiện thủy nội địa;

- Nắm được đặc điểm cấu tạo, chức năng, nhiệm vụ của những bộ phận cơ bản trong cấu trúc tàu và một số tàu chuyên dụng, qua đó biết cách sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng một cách hiệu quả nhất;

- Nắm được kiến thức cần thiết về mớn nước, thước mớn nước, dấu chuyên chở và các đặc tính cơ bản của phương tiện thủy.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Kích thước phương tiện	3
2	Bài 2: Cấu trúc phương tiện	6
3	Bài 3: Mớn nước, thước mớn nước, dấu chuyên chở	4
4	Bài 4: Các đặc tính cơ bản của phương tiện	1
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình cấu trúc tàu, lý thuyết tàu, thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại phòng học tàu thuyền, dưới tàu huấn luyện.

2. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được cấu tạo, nguyên lý làm việc của động cơ, tính năng tác dụng của các hệ thống và trang thiết bị phụ trên tàu; làm tốt các công tác kiểm tra, chăm sóc và bảo dưỡng động cơ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel	2
2	Bài 2: Các hệ thống của động cơ	8
3	Bài 3: Chăm sóc, bảo quản động cơ	4
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu.

3. Tên môn học: **LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học các thông tin dữ liệu cần thiết về luồng đường thủy nội địa, các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở các khu vực.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa ở miền Bắc	5
2	Chương II: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa ở miền Trung	4
3	Chương III: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa ở miền Nam	5
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình, các tài liệu tham khảo về luồng tuyến để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các tàu huấn luyện.

4. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam;

- Nắm được trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó;

- Biết các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào
-----	----------	---------------

		tạo (giờ)
1	Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	10
2	Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa	10
3	Chương III: Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó	3
4	Chương IV: Hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa	2
5	Chương V: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa	4
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

5. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 110 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm vững nguyên lý điều động tàu; nắm vững kỹ thuật điều động tàu tự hành và điều động tàu an toàn trong mọi trường hợp.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Kỹ thuật về điều động tàu tự hành	80
2	Bài 2: Điều động tàu trong một số tình huống đặc biệt	25
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		110

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động tàu thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện;

- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

6. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI.**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được những vấn đề trong quá trình vận chuyển hàng hóa và hành khách; biết phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế vận tải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vận tải hàng hóa	5
2	Chương II: Vận tải hành khách	3
3	Chương III: Kinh tế vận tải	6
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện.

7. Tên mô đun: **HÀNG HẢI VÀ THIẾT BỊ HÀNG HẢI**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học biết khái niệm về kinh độ, vĩ độ, tọa độ địa dư, các đơn vị dùng trong hàng hải;

- Theo dõi được vết đi và vị trí của tàu trong từng thời điểm trên bản đồ;

- Vận hành được các thiết bị hàng hải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Địa văn	16
2	Bài 2: Máy điện hàng hải	12
Kiểm tra kết thúc mô đun		2
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình hàng hải địa văn, máy điện hàng hải và các tài liệu tham khảo về hàng hải để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác hải đồ, thực hành các thiết bị hàng hải ngay tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các tàu huấn luyện.

8. Tên mô đun: **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

a) Mã số: MĐ 08.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được một số điều kiện thiên nhiên và ảnh hưởng đối với việc điều động phương tiện thủy;

- Biết dự báo thời tiết thông qua quan sát các hiện tượng thiên nhiên;

- Biết quy luật dòng chảy và tính toán thủy triều.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Khí tượng	6
2	Bài 2: Thủy văn	1
3	Bài 3: Thủy triều	7
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình khí tượng thủy văn, thủy triều và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các hiện tượng thời tiết, thiên nhiên, các hiện tượng dòng chảy trên sông, hiện tượng thủy triều.

9. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 09.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;

- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu	3
2	Chương II: Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu	2
3	Chương III: Quản lý tài sản và sổ sách của tàu	2
4	Chương IV: Phương pháp ghi nhật ký tàu	1

5	Chương V: Lập kế hoạch chuyển đi và phân công nhiệm vụ trên tàu	4
6	Chương VI: Công tác cảng vụ	2
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ thuyền trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các tàu huấn luyện.



PHỤ LỤC VI

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GCNKNCM HUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

1. Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

2. Sơ đồ và nguyên lý hoạt động của một số trang thiết bị thông tin vô tuyến ở trên phương tiện.

3. Kỹ thuật điều động phương tiện tự hành, phà và các loại đoàn lai dất.

4. Mạng lưới sông, kênh và đặc điểm các sông chính ở khu vực; tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực.

5. Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác phương tiện, công tác tìm kiếm, cứu nạn.

6. Thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến hợp đồng vận tải, giải quyết các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ.

7. Thành thạo kỹ thuật điều động phương tiện tự hành, phà và các loại đoàn lai dất một cách thành thạo, chuẩn xác và an toàn khi hành trình, ra vào bến, neo đậu.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07

2. Thời gian của khóa học: 205 giờ, bao gồm:

a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 184 giờ

b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 11 giờ

c) Thời gian ôn tập, thi kết thúc khóa học: 10 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MH 01	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	25
MĐ 02	Thiết bị hàng hải	15
MĐ 03	Điều động phương tiện	70

MH 04	Kinh tế vận tải	30
MH 05	Luồng đường thủy nội địa	20
MĐ 06	Khí tượng thủy văn	15
MH 07	Nghiệp vụ thuyền trưởng	20
Tổng cộng		195

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, gồm các nội dung sau:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp
3	Điều động phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 01.

b) Thời gian: 25 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu, áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam;
- Nắm được các chức danh và nhiệm vụ của thuyền trưởng, thuyền phó;
- Biết được các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	6
2	Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	6
3	Chương III: Trách nhiệm thuyền viên	6
4	Chương IV: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa	6
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		25

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

2. Tên mô đun: **THIẾT BỊ HÀNG HẢI**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được các khái niệm về thông tin vô tuyến ở đường thủy;
- Nắm được sơ đồ và nguyên lý hoạt động của trang thiết bị thông tin vô tuyến ở trên tàu;
- Hiểu được cách thu, phát một bức điện trong tình huống khẩn cấp ở đường thủy.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Đặc điểm cơ bản của dịch vụ thông tin di động hàng hải	2
2	Bài 2: Các thiết bị thông tin trên tàu	6
3	Bài 3: Các phương thức thông tin liên lạc bằng DSC và thoại trên sóng mặt bằng và VHF	4

4	Bài 4: Thủ tục thông tin thông thường	2
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình vô tuyến điện, máy điện hàng hải và các tài liệu tham khảo về hàng hải để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành thông tin vô tuyến trên các tàu huấn luyện.

3. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 70 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm vững kỹ thuật điều động tàu tự hành, phà; nắm vững kỹ thuật điều động các loại đoàn lai đất.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Điều động tàu tự hành	30
2	Bài 2: Phà và điều động phà	5
3	Bài 3: Kỹ thuật điều động đoàn lai kéo	10
4	Bài 4: Kỹ thuật điều động đoàn lai đẩy và đoàn lai áp mạn	20
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		70

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện;
- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

4. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm vững những đặc tính chung của hàng hóa và phương pháp giao nhận hàng hóa;

- Biết giải quyết các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải đường thủy nội địa	1
2	Chương II: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách thủy nội địa	2
3	Chương III: Những vấn đề cơ bản về hàng hóa	3
4	Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện	4
5	Chương V: Giá thành vận chuyển	5
6	Chương VI: Thương vụ vận tải đường thủy nội địa	14
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo mức nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện.

5. Tên môn học: **LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 05.

b) Thời gian: 20 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm vững sơ đồ các hệ thống sông, kênh ở khu vực;

- Nắm vững đặc điểm chi tiết các con sông chính ở khu vực; thuộc các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Đặc điểm chi tiết các con sông chính ở miền Bắc	7
2	Chương II: Đặc điểm chi tiết các con sông chính ở miền Trung	5
3	Chương III: Đặc điểm chi tiết các con sông chính ở miền Nam	7
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		20

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình, các tài liệu tham khảo về luồng tuyến để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến.

6. Tên mô đun: **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

a) Mã số: MĐ 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được một số điều kiện thiên nhiên và ảnh hưởng đối với việc điều động phương tiện thủy;

- Biết dự báo thời tiết thông qua quan sát các hiện tượng thiên nhiên; biết quy luật dòng chảy và tính toán thủy triều.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Khí tượng	5
2	Bài 2: Thủy văn	4
3	Bài 3: Thủy triều	5
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình khí tượng thủy văn, thủy triều và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các hiện tượng thời tiết, thiên nhiên, các hiện tượng dòng chảy trên sông, hiện tượng thủy triều.

7. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 07.

b) Thời gian: 20 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;

- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian
-----	----------	-----------

		đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu	3
2	Chương II: Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu	4
3	Chương III: Quản lý tài sản và sổ sách của tàu	4
4	Chương IV: Phương pháp ghi nhật ký tàu	2
5	Chương V: Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu	4
6	Chương VI: Công tác diễn tập các tình huống khẩn cấp	2
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		20

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ thuyền trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các tàu huấn luyện.

PHỤ LỤC VII

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

1. Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa nhằm phục vụ cho các hoạt động của phương tiện.
2. Các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện cũng như các quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển.
3. Các quy định về cảng vụ, hoa tiêu.
4. Hệ thống điều chỉnh tự động và cấu trúc cơ bản của các hệ thống đo lường.
5. Vận hành được các thiết bị hàng hải, theo dõi được vết đi, hướng đi và vị trí của phương tiện bảo đảm an toàn cho chuyến đi; áp dụng các thiết bị hàng hải vào điều động phương tiện một cách thành thạo và an toàn.
6. Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc và các thiết bị hàng hải trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác phương tiện, công tác tìm kiếm cứu nạn.
7. Thành thạo kỹ thuật điều động phương tiện tự hành, phà và các loại đoàn lái đất một cách thành thạo, chuẩn xác và an toàn khi hành trình, ra vào bến, neo đậu.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 08
2. Thời gian của khóa học: 183 giờ, bao gồm:
 - a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 152 giờ
 - b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 16 giờ
 - c) Thời gian ôn tập, thi kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MH 01	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	15
MĐ 02	Tự động hóa trong điều khiển	13

MĐ 03	Hàng hải và thiết bị hàng hải	35
MĐ 04	Điều động phương tiện	45
MH 05	Kinh tế vận tải	30
MH 06	Luồng đường thủy nội địa	10
MĐ 07	Khí tượng thủy văn	10
MH 08	Nghiệp vụ thuyền trưởng	10
Tổng cộng		168

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, gồm các nội dung sau:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp
3	Điều động phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 01.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu, áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện;
- Hiểu, áp dụng đúng các quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên đường biển;
- Thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam;
- Nắm được các quy định về cảng vụ, hoa tiêu.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Một số báo hiệu đường biển và đường thủy nội địa Việt Nam	7
2	Chương II: Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển	5
3	Chương III: Hoa tiêu - Cảng vụ	1
4	Chương IV: An toàn trực ca	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

2. Tên mô đun: **TỰ ĐỘNG HÓA TRONG ĐIỀU KHIỂN**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 13 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu khái quát về hệ thống điều chỉnh tự động; nắm vững được cấu trúc của các hệ thống đo lường như hệ thống đo nhiệt độ, đo áp suất, đo lưu lượng, đo mức chất lỏng.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hệ thống điều chỉnh tự động	6
2	Bài 2: Hệ thống đo lường	6
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		13

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình tin học, tự động hóa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành ngay trên máy tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên tàu huấn luyện.

3. Tên mô đun: **HÀNG HẢI VÀ THIẾT BỊ HÀNG HẢI**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 35 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học theo dõi được vết đi, hướng đi và vị trí của tàu trong từng thời điểm bảo đảm an toàn cho chuyến đi; vận hành được các thiết bị hàng hải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Địa văn	20
2	Bài 2: Thực hành thao tác hải đồ	5
3	Bài 3: Thiết bị hàng hải	5
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		35

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình hàng hải địa văn, máy điện hàng hải và các tài liệu tham khảo về hàng hải để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác hải đồ, thực hành các thiết bị hàng hải ngay tại phòng học điều khiển phương tiện thủy và trên các tàu huấn luyện.

4. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 45 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học điều động phương tiện thủy và các loại hình phương tiện thủy lai một cách thành thạo, chuẩn xác và an toàn, biết áp dụng các thiết bị hàng hải vào điều động phương tiện thủy.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Điều động phương tiện thủy tự hành	25
2	Bài 2: Điều động phương tiện thủy lai đẩy, kéo	15
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		45

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động phương tiện thủy để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các phương tiện huấn luyện;

- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

5. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI**

a) Mã số: MH 05.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm vững những đặc tính của hàng hóa và phương pháp giao nhận hàng hóa; biết giải quyết các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải đường thủy nội địa	1
2	Chương II: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách thủy nội địa	2
3	Chương III: Những vấn đề cơ bản về hàng hóa	3
4	Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện	4
5	Chương V: Giá thành vận chuyển	6
6	Chương VI: Thương vụ vận tải đường thủy nội địa	13
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện.

6. Tên môn học: **LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 10 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm vững sơ đồ các hệ thống sông, kênh ở khu vực; nắm vững đặc điểm chi tiết luồng đường thủy nội địa ở khu vực; thuộc các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính	4
2	Chương II: Đặc điểm chi tiết các con sông chính	5

Kiểm tra kết thúc môn học	1
Tổng cộng	10

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình luồng đường thủy nội địa thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo về luồng lạch để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến.

7. Tên mô đun: **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 10 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được một số điều kiện thiên nhiên và ảnh hưởng đối với việc điều động phương tiện thủy; biết dự báo thời tiết thông qua quan sát các hiện tượng thiên nhiên; biết quy luật dòng chảy và tính toán thủy triều.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Khí tượng	3
2	Bài 2: Thủy văn	2
3	Bài 3: Thủy triều	4
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		10

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình khí tượng thủy văn, thủy triều và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các hiện tượng thời tiết, thiên nhiên, các hiện tượng dòng chảy trên sông, hiện tượng thủy triều.

8. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 08.

b) Thời gian: 10 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;

- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian
-----	----------	-----------

		đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu	2
2	Chương II: Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu	1
3	Chương III: Quản lý tài sản và sổ sách của tàu	2
4	Chương IV: Phương pháp ghi nhật ký tàu	1
5	Chương V: Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu	2
6	Chương VI: Công tác diễn tập các tình huống khẩn cấp	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		10

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ thuyền trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng tại phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa và trên các tàu huấn luyện.

PHỤ LỤC VIII
NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GCNKNCM
MÁY TRƯỞNG HẠNG BA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM máy trưởng hạng ba.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Nguyên lý cấu tạo của động cơ; đặc điểm cấu tạo của vật liệu chế tạo và quá trình hoạt động của động cơ.
- Cơ học, điện, vật liệu kim loại, an toàn, cấu trúc tàu.
- Quy trình và sử dụng thành thạo các hệ thống động lực trên tàu.
- Tính toán hiệu quả kinh tế khi sử dụng động cơ.
- Chỉ huy và hướng dẫn thợ máy thực hành nhiệm vụ của người máy trưởng.
- Sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; phát hiện được nguyên nhân hư hỏng thông thường của động cơ đề ra các phương án sửa chữa.
- Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 05
- Thời gian của khóa học: 228 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 200 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 13 giờ
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Điện tàu thủy	32
MĐ 02	Máy tàu thủy và bảo dưỡng, sửa chữa máy tàu thủy	61
MH 03	Kinh tế vận tải	15
MĐ 04	Thực hành vận hành máy tàu thủy	90
MH 05	Nghiệp vụ máy trưởng	15
Tổng cộng		213

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng ba, gồm các nội dung sau:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **ĐIỆN TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 32 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu được ý nghĩa các đại lượng trong mạch điện và mối quan hệ giữa các đại lượng trong mạch điện; biết mắc một số mạch điện cơ bản và cách đo điện áp, đo dòng điện của mạch;

- Biết ứng dụng các hiện tượng điện từ cơ bản để nghiên cứu máy điện, khí cụ điện; biết đấu các mạch điện đơn giản trên tàu và lập được quy trình sử dụng;

- Làm được công việc chăm sóc thường xuyên đối với ác quy, máy điện, khí cụ điện trên tàu; biết khắc phục một số sự cố thông thường khi sử dụng mạch điện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hệ thống kiến thức kỹ thuật điện	15

2	Bài 2: Điện tàu thủy	15
Kiểm tra kết thúc mô đun		2
Tổng cộng		32

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điện tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại xưởng thực hành điện và các hệ thống điện trên tàu.

2. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY VÀ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 61 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về động cơ diesel, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các máy phụ phục vụ cho động cơ đặt trên tàu;

- Biết cách sử dụng, chăm sóc và bảo quản, đảm bảo đạt hiệu quả cao trong quá trình khai thác động cơ diesel;

- Nắm bắt được các kỹ năng tháo, lắp, kiểm tra, sửa chữa các hư hỏng thông thường của động cơ;

- Biết chăm sóc, bảo quản, bảo dưỡng tốt các hệ thống đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác động cơ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel	6
2	Bài 2: Cấu tạo, quy trình tháo lắp động cơ	7
3	Bài 3: Hệ thống phân phối khí	7
4	Bài 4: Hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ diesel	7
5	Bài 5: Hệ thống bôi trơn - làm mát	10
6	Bài 6: Hệ thống khởi động - đảo chiều	8
7	Bài 7: Vận hành, chăm sóc và bảo quản động cơ	8
8	Bài 8: Nhiệm vụ của máy trưởng	4
Kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		61

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu thủy.

3. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được những vấn đề cơ bản trong quá trình vận chuyển hàng hóa và hành khách; biết phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế vận tải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải đường thủy nội địa	2
2	Chương II: Những hình thức công tác của đoàn tàu vận tải	2
3	Chương III: Các chỉ tiêu vận chuyển hàng hóa và hành khách	4
4	Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện	4
5	Chương V: Cách tính nhiên liệu cho một chuyến đi	2
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện.

4. Tên môn học: **THỰC HÀNH VẬN HÀNH MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 90 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học vận hành thành thạo động cơ diesel tàu thủy theo quy trình vận hành, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, an toàn và có hiệu quả;

- Biết cách kiểm tra, khắc phục một số hư hỏng trong quá trình vận hành động cơ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Quy trình vận hành động cơ	20
2	Bài 2: Chăm sóc và sử dụng các hệ thống phục vụ động cơ	45
3	Bài 3: Hồ sơ kỹ thuật	20
Kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		90

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu thủy.

5. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ MÁY TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 05.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;
- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhiệm vụ chung	5
2	Chương II Khai thác một chuyến đi	5
3	Chương III: An toàn lao động và phòng cháy chữa cháy	4
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ máy trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ máy trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện.

PHỤ LỤC IX
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GCNKNCM
MÁY TRƯỞNG HẠNG NHÌ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM máy trưởng hạng nhì.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

1. Nguyên lý cấu tạo và quá trình hoạt động của các chi tiết chính của động cơ.
2. Quy trình và sử dụng thành thạo các hệ thống động lực trên phương tiện; tính toán hiệu quả kinh tế khi sử dụng động cơ.
3. Chỉ huy và hướng dẫn thợ máy thực hành nhiệm vụ của máy trưởng.
4. Sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; phát hiện chính xác các hiện tượng hư hỏng để đề ra các phương án sửa chữa chính xác.
5. Đọc được mạch điện của một số máy thông dụng, sửa chữa được một số hư hỏng thường gặp.
6. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 05
2. Thời gian của khóa học: 215 giờ, bao gồm:
 - a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 188 giờ
 - b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 12 giờ
 - c) Thời gian ôn tập, thi kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Điện tàu thủy	55
MĐ 02	Máy tàu thủy	75
MH 03	Kinh tế vận tải	15
MĐ 04	Thực hành vận hành máy tàu thủy	45
MH 05	Nghiệp vụ máy trưởng	10
Tổng cộng		200

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, gồm các nội dung sau:

STT	Nội dung thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **ĐIỆN TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 55 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện; được trang bị những kiến thức cơ bản về ác quy, máy điện và một số khí cụ điện;

- Biết phân tích các dạng sự cố của mạch điện; đấu được một số mạch điện cơ bản trên tàu thủy, biết quy trình sử dụng mạch;

- Biết cách kiểm tra, xác định một số hư hỏng của mạch điện và biện pháp khắc phục.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Ác quy axit	4
2	Bài 2: Máy điện	23

3	Bài 3: Mạch điện trên tàu thủy	25
Kiểm tra kết thúc mô đun		3
Tổng cộng		55

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điện tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại xưởng thực hành điện và các hệ thống điện trên tàu.

2. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 75 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được và nâng cao những kiến thức cơ bản về động cơ diesel, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các hệ thống phục vụ cho động cơ đặt trên tàu;
- Biết cách sử dụng, chăm sóc và bảo quản, đảm bảo đạt hiệu quả cao trong quá trình khai thác động cơ diesel.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel	13
2	Bài 2: Cấu tạo động cơ	10
3	Bài 3: Hệ thống phân phối khí	8
4	Bài 4: Hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ	8
5	Bài 5: Hệ thống bôi trơn	8
6	Bài 6: Hệ thống làm mát	8
7	Bài 7: Hệ thống khởi động	8
8	Bài 8: Hệ thống đảo chiều	8
Kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		75

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu.

3. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cơ bản khi khai thác hệ thống động lực trong vận tải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm ngành vận tải thủy nội địa	1
2	Chương II: Những hình thức công tác của đoàn tàu	2
3	Chương III: Các chỉ tiêu vận chuyển hàng hóa và hành khách	2
4	Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện trong vận tải thủy nội địa	3
5	Chương V: Giá thành vận chuyển đường thủy nội địa	5
6	Chương VI: Các phương thức giao nhận hàng hóa	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện.

4. Tên mô đun: **THỰC HÀNH VẬN HÀNH MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 45 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được cấu tạo, tính năng tác dụng và nguyên lý làm việc của các bộ phận, các hệ thống của động cơ;

- Làm tốt công tác chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ; đảm bảo cho động cơ làm việc an toàn, vận hành, khai thác động cơ có hiệu quả cao nhất.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Quy trình vận hành động cơ	7
2	Bài 2: Chăm sóc và sử dụng các hệ thống phục vụ động cơ	25
3	Bài 3: Hồ sơ kỹ thuật	10
Kiểm tra kết thúc mô đun		3
Tổng cộng		45

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu thủy.

5. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ MÁY TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 05.

b) Thời gian: 10 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;

- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhiệm vụ chung	3
2	Chương II: Khai thác một chuyến đi	4
3	Chương III: An toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy	2
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		10

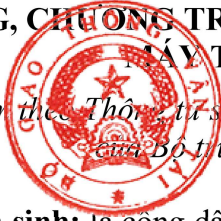
đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ máy trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ máy trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện.

PHỤ LỤC X
NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GCNKNCM
MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM máy trưởng hạng nhất.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

1. Chỉ huy và hướng dẫn thợ máy thực hành nhiệm vụ của người máy trưởng.
2. Thành thạo kỹ thuật khai thác các hệ thống điện, hệ thống động lực, các thiết bị máy móc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác phương tiện một cách chuẩn xác, an toàn và hiệu quả.
3. Sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; phát hiện chính xác các hiện tượng hư hỏng để đề ra các phương án sửa chữa.
4. Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác phương tiện, công tác tìm kiếm cứu nạn.
5. Thành thạo kỹ thuật vận hành động cơ diesel phương tiện thủy đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.
6. Đọc thành thạo mạch điện của một số máy thông dụng, sửa chữa được một số hư hỏng thường gặp; lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 05
2. Thời gian của khóa học: 175 giờ, bao gồm:
 - a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 149 giờ
 - b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 11 giờ
 - c) Thời gian ôn, thi kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Điện tàu thủy	15
MĐ 02	Máy tàu thủy	90
MĐ 03	Tự động hóa trong điều khiển	13

MH 04	Kinh tế vận tải	32
MH 05	Nghiệp vụ máy trưởng	10
Tổng cộng		160

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ THI, KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Thi kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, gồm các nội dung sau:

STT	Nội dung thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **ĐIỆN TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về hệ thống điện một chiều 24V;

- Hiểu biết về máy điện xoay chiều và trạm phát điện trên tàu thủy;

- Biết phân tích các dạng sự cố của mạch điện; đấu được một số mạch điện 3 pha như mạch chiếu sáng, mạch điện máy phụ đơn giản;

- Biết cách kiểm tra, xác định một số hư hỏng của mạch điện và biện pháp khắc phục; biết vận hành trạm phát điện 3 pha có công suất từ 50 kW trở lên.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hệ thống điện một chiều 24V trên tàu thủy nội địa	2
2	Bài 2: Máy điện xoay chiều	5
3	Bài 3: Thiết bị điện	5
4	Bài 4: Trạm phát điện	2
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điện tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại xưởng thực hành điện và các hệ thống điện trên tàu thủy.

2. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 90 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu sâu, hiểu rộng hơn về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của động cơ diesel cũng như các hệ thống và trang thiết bị phụ trên tàu;

- Biết cách ứng dụng, sử dụng, chăm sóc và bảo quản, đảm bảo đạt hiệu quả cao trong quá trình khai thác động cơ diesel.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel	15
2	Bài 2: Cấu tạo động cơ	10
3	Bài 3: Hệ thống phân phối khí	10
4	Bài 4: Hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ diesel	10
5	Bài 5: Hệ thống bôi trơn - làm mát	12
6	Bài 6: Hệ thống khởi động - đảo chiều	12
7	Bài 7: Nhiên liệu và dầu nhờn	15
Kiểm tra kết thúc mô đun		6
Tổng cộng		90

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu thủy.

3. Tên mô đun: **TỰ ĐỘNG HÓA TRONG ĐIỀU KHIỂN**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 13 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học biết vận dụng kiến thức đã học và thực tế; hiểu về hệ thống điều chỉnh tự động; nắm vững được cấu trúc của các hệ thống đo lường như hệ thống đo nhiệt độ, đo áp suất, đo lưu lượng, đo mức chất lỏng.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hệ thống điều chỉnh tự động	6
2	Bài 2: Hệ thống đo lường	6
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		13

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình tin học, tự động hóa và các đầu sách tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành ngay trên máy tại phòng học điều khiển phương tiện thủy và trên các tàu huấn luyện.

4. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 32 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học nắm được phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cơ bản khi khai thác hệ thống động lực trong vận tải.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm ngành vận tải thủy nội địa	1
2	Chương II: Những hình thức công tác của đoàn tàu	3
3	Chương III: Các chỉ tiêu vận chuyển hàng hóa và hành khách	4
4	Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện trong vận tải thủy nội địa	5
5	Chương V: Giá thành vận chuyển đường thủy nội địa	15
6	Chương VI: Các phương thức giao nhận hàng hóa	2
Kiểm tra kết thúc môn học		2
Tổng cộng		32

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện.

5. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ MÁY TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 05.

b) Thời gian: 10 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu;
- Lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Nhiệm vụ chung	3
2	Chương II: Khai thác một chuyến đi	4
3	Chương III: An toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy	2
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		10

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình nghiệp vụ máy trưởng, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ máy trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện.

PHỤ LỤC XI

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Cấu trúc và tính năng của phương tiện cao tốc, phương pháp điều động phương tiện cao tốc.
- Điều khiển được phương tiện cao tốc đúng phương pháp, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng mô đun đào tạo: 02
- Thời gian của khóa học: 65 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 59 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 03 giờ
 - Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 03 giờ.

III. DANH MỤC MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Cấu trúc và thiết bị phương tiện cao tốc	30
MĐ 02	Điều động phương tiện cao tốc	32
Tổng cộng		62

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

- Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;
- Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Điều động phương tiện cao tốc	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **CẤU TRÚC VÀ THIẾT BỊ PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu cấu trúc và tính năng của phương tiện cao tốc.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Khái niệm phương tiện cao tốc	1
2	Bài 2: Cấu trúc của phương tiện cao tốc	10
3	Bài 3: Hệ thống lái	10
4	Bài 4: Thiết bị hàng hải	8
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		30

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình cấu trúc phương tiện, lý thuyết về phương tiện cao tốc và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 32 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu phương pháp điều động phương tiện cao tốc.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: An toàn cơ bản.	5
2	Bài 2: Điều động phương tiện cao tốc rời, cập cầu.	5
3	Bài 3: Điều động phương tiện cao tốc hành trình.	15
4	Bài 4: Sử dụng các thiết bị ra đa, GPS, máy đo sâu vào điều động phương tiện cao tốc	5
Kiểm tra kết thúc mô đun		2
Tổng cộng		32

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động phương tiện cao tốc để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học thực hành trên các phương tiện huấn luyện;
- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

PHỤ LỤC XII
NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN
PHƯƠNG TIỆN ĐI VEN BIỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Quy định về pháp luật hàng hải; các thiết bị hàng hải và khí tượng thủy văn.
- Kinh độ, vĩ độ, tọa độ địa dư, đơn vị dùng trong hàng hải.
- Theo dõi được vết đi và vị trí của phương tiện trong từng thời điểm trên hải đồ.
- Báo hiệu hàng hải.
- Quy định về cảng vụ, hoa tiêu, điều động phương tiện hành trình theo tuyến ven biển.
- Vận hành, áp dụng được các thiết bị hàng hải vào điều động phương tiện.
- Áp dụng đúng các quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển vào thực tế.
- Xếp dỡ hàng hoá, phương pháp xếp dỡ hàng hoá, tính ổn định phương tiện, đo mức nước đảm bảo an toàn cho con người, phương tiện và hàng hoá.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng mô đun đào tạo: 03
- Thời gian của khóa học: 280 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành, mô phỏng: 259 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 11 giờ
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 10 giờ.

III. DANH MỤC MÔN MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	An toàn hoạt động của tàu và người trên tàu	70
MĐ 02	Hàng hải	100
MĐ 03	Xếp dỡ và bảo quản hàng hoá	100
Tổng cộng		270

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện phù hợp với chương trình đào tạo và tại khu vực dạy thực hành.

2. Kiểm tra kết thúc mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: AN TOÀN HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU VÀ NGƯỜI TRÊN TÀU

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 70 giờ.

c) Mục tiêu:

- Trang bị cho người học kiến thức pháp luật về hàng hải để người học chấp hành pháp luật, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông tuyến ven biển; các thông tin dữ liệu cần thiết về các tuyến vận tải ven biển;

- Áp dụng đúng quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Pháp luật hàng hải và một số công ước quốc tế liên quan	20
2	Bài 2: Luồng chạy tàu ven biển	15
3	Bài 3: Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển	22
4	Bài 4: Chăm sóc con người trên biển	10

Kiểm tra kết thúc môn học	3
Tổng cộng	70

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình về pháp luật hàng hải, tuyến luồng ven biển, quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và các tài liệu tham khảo về công ước quốc tế hàng hải để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học tại phòng học lý thuyết và thực hành tại khu vực dạy thực hành.

2. Tên mô đun: **HÀNG HẢI**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 100 giờ.

c) Mục tiêu:

- Trang bị cho người học kiến thức về khái niệm về địa văn, khí tượng thủy văn, thông tin thời tiết và các trang thiết bị hàng hải trên buồm lái để kiểm tra, xác định vị trí tàu và lựa chọn phương pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị hàng hải để phục vụ chạy tàu; điều động tàu trên biển một cách thành thạo, chuẩn xác và an toàn.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hàng hải đại dương	40
2	Bài 2: Thiết bị hàng hải	28
3	Bài 3: Điều động phương tiện	28
Kiểm tra kết thúc môn học		4
Tổng cộng		100

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình về hàng hải địa văn, thiết bị hàng hải, điều động phương tiện và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên các phương tiện huấn luyện và tại khu vực dạy thực hành;

- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

3. Tên mô đun: **XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 100 giờ.

c) Mục tiêu: trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về lập kế hoạch xếp dỡ, phương pháp xếp dỡ hàng hoá, tính ổn định tàu, đo món nước dựa trên kiến thức ổn định tàu và hàng hoá để đảm bảo khi tàu hành trình.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Giới thiệu về phương pháp tính toán liên quan đến món nước và ổn định tàu	40
2	Bài 2: Lập kế hoạch xếp dỡ hàng hóa	28
3	Bài 3: Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	28
Kiểm tra kết thúc môn học		4
Tổng cộng		100

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, xếp dỡ hàng hoá và các tài liệu tham khảo về hàng hải để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo món nước, khai thác các bài toán về xếp dỡ hàng hoá hiệu quả, ổn định tàu và hàng hoá khi hành trình.

PHỤ LỤC XIII

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN ĐI VEN BIỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Quy định về an toàn, cấu trúc, hệ thống, trang thiết bị an toàn trên phương tiện đi ven biển.
- Xử lý các tình huống khẩn cấp khi gặp sự cố.
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ cứu sinh, cứu hỏa, cứu đuối, sơ cứu y tế và an toàn bảo vệ môi trường.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 02
- Thời gian của khóa học: 51 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 44 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 02 giờ
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 05 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MH 01	An toàn cơ bản và bảo vệ môi trường	15
MĐ 02	An toàn sinh mạng trên biển	31
Tổng cộng		46

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

- Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Thao tác hệ thống an toàn	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên môn học: **AN TOÀN CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MH 01.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường, hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: An toàn lao động	6
2	Chương II: Bảo vệ môi trường	8
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		15

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **AN TOÀN SINH MẠNG TRÊN BIỂN**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 31 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn trực ca;
- Hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn sinh mạng khi làm việc trên phương tiện; về phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng; rời phương tiện, sơ cứu y tế;
- Biết xử lý các tình huống khẩn cấp khi gặp sự cố.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: An toàn trực ca	5
2	Bài 2: Phòng, chống cháy nổ	5
3	Bài 3: An toàn sinh mạng	20
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		31

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình về an toàn sinh mạng, phòng chống cháy nổ, các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;
- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, các bể bơi và trên các phương tiện huấn luyện.

PHỤ LỤC XIV

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ XĂNG DẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chỗ xăng dầu

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Khái niệm, những thuật ngữ và tính chất hóa lý của xăng dầu.
- Cấu trúc, trang thiết bị phương tiện chỗ xăng dầu.
- Quy định an toàn trên phương tiện chỗ xăng dầu; xử lý khi gặp sự cố.
- Vận hành thành thạo các hệ thống, thiết bị chứa đựng, vận chuyển xăng dầu.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng mô đun đào tạo: 02
- Thời gian của khóa học: 45 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 40 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 02 giờ
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 03 giờ.

III. DANH MỤC MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Xăng dầu và công tác an toàn làm việc trên phương tiện chỗ xăng dầu	24
MĐ 02	Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện chỗ xăng dầu	18
Tổng cộng		42

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

- Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **XĂNG DẦU VÀ CÔNG TÁC AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ XĂNG DẦU**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 24 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu về khái niệm, tính chất hóa lý, những thuật ngữ của xăng dầu để có kế hoạch trong vận chuyển và xếp dỡ đảm bảo an toàn cho người và phương tiện;

- Hiểu những quy định an toàn trên phương tiện chở xăng dầu nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng con người.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Giới thiệu về xăng dầu	4
2	Bài 2: Các quy định về an toàn	2
3	Bài 3: Công tác phòng chống cháy nổ trên phương tiện chở xăng dầu	9

4	Bài 4: Thực hành ứng cứu khi bị cháy nổ trên phương tiện	8
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		24

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật quy định về an toàn và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên bãi tập của cơ sở đào tạo và trên phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **VẬN HÀNH HỆ THỐNG LÀM HÀNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ XĂNG DẦU**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 18 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu những nguyên tắc cơ bản nhất trong quá trình vận hành hệ thống làm hàng nhằm bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tránh bị tổn thất.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Cấu trúc, trang thiết bị trên phương tiện chở xăng dầu	8
2	Bài 2: Vận hành hệ thống làm hàng và an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, phòng độc trên phương tiện chở xăng dầu	9
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		18

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình cấu trúc phương tiện, an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên phương tiện huấn luyện.

PHỤ LỤC XV

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ HÓA CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Khái niệm, những thuật ngữ, những tính chất hóa lý của hóa chất và ô nhiễm do hóa chất gây ra.
- Cấu trúc, trang thiết bị phương tiện chở hóa chất; những quy định an toàn trên phương tiện chở hóa chất; xử lý khi gặp sự cố.
- Vận hành thành thạo hệ thống, thiết bị chứa đựng, vận chuyển hóa chất theo đúng phương pháp đảm bảo an toàn.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng mô đun đào tạo: 02
- Thời gian của khóa học: 45 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 40 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 02 giờ
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 03 giờ.

III. DANH MỤC MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Hóa chất và công tác an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất	23
MĐ 02	Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện chở hóa chất	19
Tổng cộng		42

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

- Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

- Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc mô đun:

- Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

- Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **HÓA CHẤT VÀ CÔNG TÁC AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ HÓA CHẤT**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 23 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu khái niệm, những thuật ngữ, tính chất hóa lý và khả năng gây ô nhiễm của hóa chất để có kế hoạch trong vận chuyển và xếp dỡ đảm bảo an toàn cho người, phương tiện;

- Hiểu những quy định an toàn trên phương tiện chở hóa chất và biết xử lý khi gặp sự cố.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Giới thiệu về hóa chất	4
2	Bài 2: Các quy định về an toàn	2
3	Bài 3: Công tác phòng chống cháy nổ trên phương tiện chở hóa chất	8
4	Bài 4: Thực hành ứng cứu khi có tình huống cháy, nổ, ngộ độc	8
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		23

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào tài liệu về hóa chất, giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật quy định về an toàn và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên bãi tập của cơ sở đào tạo và trên phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **VẬN HÀNH HỆ THỐNG LÀM HÀNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ HÓA CHẤT**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 19 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu cấu trúc và trang thiết bị trên phương tiện chở hóa chất; hiểu quy trình vận hành trang thiết bị làm hàng hóa chất;

- Biết bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị làm hàng hóa chất;

- Hiểu những nguyên tắc cơ bản nhất trong quá trình vận hành hệ thống làm hàng nhằm bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tránh bị tổn thất.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Cấu trúc, trang thiết bị trên phương tiện chở hóa chất	4
2	Bài 2: Vận hành hệ thống làm hàng và an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, phòng độc trên phương tiện chở hóa chất	14
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		19

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình cấu trúc phương tiện, an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên phương tiện huấn luyện.



PHỤ LỤC XVI

NỘI DUNG, CHỨC NĂNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ KHÍ HÓA LỎNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe và trình độ phù hợp theo quy định.

Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Khái niệm, những thuật ngữ của khí hóa lỏng.
- Tính chất hóa lý của khí hóa lỏng và ô nhiễm của khí hóa lỏng gây ra.
- Quy định an toàn trên phương tiện chở khí hóa lỏng; xử lý khi gặp sự cố.
- Cấu trúc, trang thiết bị phương tiện chở khí hóa lỏng.
- Vận hành thành thạo hệ thống, thiết bị chứa đựng, vận chuyển khí hóa lỏng.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng mô đun đào tạo: 02
- Thời gian của khóa học: 45 giờ, bao gồm:
 - Thời gian học lý thuyết, thực hành: 40 giờ
 - Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 02 giờ
 - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 03 giờ.

III. DANH MỤC MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
MĐ 01	Khí hóa lỏng và công tác an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng	23
MĐ 02	Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện chở khí hóa lỏng	19
Tổng cộng		42

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng, gồm các nội dung sau:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **KHÍ HÓA LỎNG VÀ CÔNG TÁC AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ KHÍ HÓA LỎNG**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 23 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu khái niệm, các tính chất lý hóa, những thuật ngữ của xăng dầu để có kế hoạch trong vận chuyển và xếp dỡ đảm bảo an toàn cho người và phương tiện;

- Hiểu những quy định an toàn trên phương tiện chở khí hóa lỏng nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng con người, phương tiện, hàng hóa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Giới thiệu về khí hóa lỏng	4
2	Bài 2: Các quy định về an toàn	2
3	Bài 3: Công tác phòng, chống cháy nổ trên phương tiện chở khí hóa lỏng	8
4	Bài 4: Thực hành ứng cứu khi bị cháy nổ trên phương tiện	8

Kiểm tra kết thúc mô đun	1
Tổng cộng	23

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào tài liệu về khí hóa lỏng, giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các tài liệu liên quan về khí hóa lỏng, các văn bản pháp luật quy định về an toàn và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành ngay trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, phòng y tế và trên phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **VẬN HÀNH HỆ THỐNG LÀM HÀNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỖ KHÍ HÓA LỎNG**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 19 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu những nguyên tắc cơ bản nhất trong quá trình vận hành hệ thống làm hàng nhằm bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tránh bị tổn thất.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Cấu trúc, trang thiết bị trên phương tiện chở khí hóa lỏng	4
2	Bài 2: Vận hành hệ thống làm hàng và an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, phòng độc trên phương tiện chở khí hóa lỏng	14
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		19

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình cấu trúc phương tiện, an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên bãi tập của cơ sở đào tạo và trên phương tiện huấn luyện.

PHỤ LỤC XVII
NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC TẬP
PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đối tượng tuyển sinh: là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định.

Giấy chứng nhận cấp sau tốt nghiệp: Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

- Các quy tắc giao thông cơ bản và một số loại tín hiệu, báo hiệu đường thủy nội địa phổ biến; quy định về vận tải hàng hóa, hành khách theo chức danh tương ứng.
- Áp dụng quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế theo chức danh tương ứng.
- Một số quy định về vận tải hàng hóa, hành khách; đặc tính cơ bản của hàng hóa trong vận chuyển, xếp dỡ, giao nhận theo chức danh tương ứng.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Số lượng môn học đào tạo: 02
- Thời gian của khóa học: 07 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)
MH 01	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	4
MH 02	Vận tải hàng hóa và hành khách	3
Tổng cộng		7

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Hình thức đào tạo:

Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến.

2. Đánh giá kết quả học tập:

- Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức đánh giá kết quả học tập do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;
- Thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học.

3. Công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận:

Căn cứ kết quả đánh giá, cơ sở đào tạo xét công nhận và cấp chứng nhận theo quy định.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 01.

b) Thời gian: 04 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu một số quy tắc giao thông cơ bản và nhận biết một số báo hiệu đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Quy tắc giao thông đường thủy nội địa	2
2	Chương II: Các loại báo hiệu đường thủy nội địa	2
Tổng cộng		4

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung bài học lý thuyết.

2. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 03 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học hiểu một số quy định về vận tải hàng hóa, hành khách.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Chương I: Một số quy định về vận tải hàng hóa	1,5
2	Chương II: Một số quy định về vận tải hành khách	1,5
Tổng cộng		3

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

Căn cứ vào các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung bài học lý thuyết.